

# HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT CHĂN NUÔI DÊ

## I. Đặc điểm sinh học

Dê thịt có đặc điểm sinh học nổi bật là khả năng thích nghi cao, ưa sạch sẽ, và bộ máy tiêu hóa mạnh mẽ, tiêu thụ đa dạng loại thức ăn (cỏ, lá, cành gai). Dê thường sống theo đàn, hiếu động, thích leo trèo, và phát triển tốt ở môi trường khô ráo, thoáng mát, là giống súc vật nhai lại cho thịt có giá trị dinh dưỡng cao.

Tập tính ăn uống và tiêu hóa: Dê là động vật nhai lại, có môi mềm và linh hoạt, lưỡi có nhiều gai thịt giúp dễ dàng gặm cỏ, cành lá, vỏ cây, thậm chí cả các loại lá đắng chát. Chúng có thói quen ăn uống đa dạng, tận dụng được thức ăn nghèo dinh dưỡng.

Tập tính sinh hoạt: Dê có tính bầy đàn cao, ưa sạch sẽ, thích leo trèo, sống ở nơi khô ráo và không chịu được ẩm ướt. Dê Bách Thảo đặc biệt hiền lành, dễ gần, thích đùa nghịch và có thể nuôi nhốt hoàn toàn.

Đặc điểm ngoại hình (Dê Bách Thảo): Thân hình góc cạnh, tai to rủ xuống, đa số không có sừng, nếu có thì sừng nhỏ chĩa về phía sau, miệng rộng thô.

Khả năng thích nghi và sinh sản: Dê có khả năng thích nghi cao với nhiều loại thức ăn và điều kiện chăn nuôi, ít bị bệnh nếu chuồng trại sạch sẽ. Dê có tốc độ tăng trưởng nhanh, đặc biệt là các giống lai nuôi thịt.

Giá trị thịt: Thịt dê có vị ngọt, tính nóng, không độc, được coi là thực phẩm bổ dưỡng, hỗ trợ chữa các bệnh hư nhược.

## II. Chuẩn bị chuồng nuôi

Chọn chuồng dê không bị ẩm ướt và trũng nước. Nên lựa chọn vị trí làm chuồng sạch sẽ, yên tĩnh, cách xa khu dân cư, nguồn nước nhưng phải đảm bảo dễ dàng quản lý, chăm sóc và vệ sinh.

Diện tích chuồng nuôi phụ thuộc vào số lượng đàn vật nuôi, mật độ trung bình từ 1 - 1.5 con/m<sup>2</sup>.

Nên lựa chọn hướng Đông Nam hoặc hướng Nam để chuồng thông thoáng, mát mẻ. Với phương pháp pháp chăn thả tự nhiên thì không bắt buộc.

Độ cao của chuồng khoảng cách từ sàn nuôi đến mặt đất phải cao từ 50 – 80cm. Nền chuồng bên dưới sàn phải có độ nghiêng từ 2 – 3%, dốc dần về phía rãnh thoát nước. Thành chuồng nuôi phải cao tối thiểu từ 1,5 – 1,8cm, đóng bằng gỗ hoặc tre.

Làm cửa chuồng dê để quản lý, bảo vệ và thuận tiện trong việc xuất bán đàn dê. Cửa chuồng yêu cầu rộng từ 60 – 80cm. Đối với mô hình nuôi dê nhốt chuồng khép kín, trong chuồng nuôi bà con phải treo máng thức ăn tinh, máng thức ăn thô xanh, máng uống.

### **III. Yêu cầu về giống**

Chọn giống là kỹ thuật đầu tiên và quan trọng nhất mà bà con phải nắm được để đưa ra hướng chăn nuôi phù hợp với điều kiện kinh tế, môi trường đặc thù nhằm giảm thiểu rủi ro trong quá trình chăn nuôi. Khi chọn con giống nuôi phải có xuất xứ rõ ràng, có thể theo dõi được cặp bố mẹ thì càng tốt.

Dê đực phải đạt tiêu chuẩn như thân hình cân đối, cơ quan sinh dục phát triển, chọn dê đực trong lứa sinh đôi.

Chọn dê cái hướng thịt phải có thân hình chữ nhật. Dê cái hướng sữa phải có bộ phận sinh dục nở nang, hông rộng, hai núm vú dài từ 4 - 6cm.

Không chọn những con có cổ ngắn, bụng nhỏ, lông tai trụi, đầu dài, tứ chi không thẳng, đứng không chắc chắn.

### **IV. Kỹ thuật nuôi và chăm sóc dê**

Yếu tố cần quan tâm nhất trong quá trình chăm sóc dê là nguồn thức ăn và khẩu phần ăn. Những loại thức ăn cho dê phổ biến nhất hiện nay là các loại cỏ, lá cây các loại, các loại đậu, rau củ, các thức ăn có tinh bột như khoai, sắn, ngô ..., những thực phẩm khác như giá, bã đậu ... thức ăn hỗn hợp công nghiệp. Trong khẩu phần ăn của dê, thức ăn thô chiếm khoảng từ 55 đến 70%, còn lại là thức ăn tinh.

Nhóm thức ăn thô có vai trò cung cấp năng lượng, là yếu tố bảo đảm cho dạ cỏ hoạt động hoạt động bình thường. Thức ăn thô xanh gồm cỏ mọc tự nhiên, dây lang, mía, lá sắn, thân cây ngô các loại lá cây ăn quả như mít, chuối... và lá một số loại cây chứa nhiều độc tố, cay, đắng như lá xoan, lá xà cừ, lá chàm tai tượng... Thức ăn thô khô gồm cỏ khô, rom lúa... Thức ăn củ quả gồm sắn, khoai lang, củ cải, bầu bí.

Nhóm thức ăn tinh là loại cung cấp năng lượng gồm các loại củ phơi khô (khoai, sắn), bột ngô, các loại hạt ngũ cốc cám, gạo... Hay loại thức ăn cung cấp đạm gồm bột đậu tương, khô dầu đậu tương, bột cá, bột máu...

Nhóm thức ăn bổ sung khoáng như: bột xương, bột sò, bột cacbonat canxi và thức ăn bổ sung đạm urê.

Về lượng nước cần dùng, mỗi giai đoạn sẽ có nhu cầu khác nhau, dê con từ khi sinh đến 2 tháng cần khoảng 0,5 lít/ngày, đến khi trưởng thành có thể cần đến 5 lít/ngày.

Để chăm sóc chăn nuôi dê mang lại hiệu quả cao bà con cần chia ra chăm sóc theo độ tuổi sau:

**Dê con dưới 10 ngày tuổi:** Ngay sau khi sinh, dê cần được lau khô, cắt rốn và cho bú kính nghiệm, phải vuốt sạch máu và để lại 3-4cm cuống rốn. Dê con cần được giữ ấm, tránh tiếp xúc với môi trường bên ngoài nhiều vi khuẩn và mầm bệnh.

**Dê con từ 11 đến 45 ngày tuổi:** Cho dê bú sữa mẹ khoảng dưới 1lít/ngày, cho bú ban ngày và tách mẹ vào ban đêm. Giai đoạn này cho dê con theo mẹ là đủ sữa chứ không cần bổ sung sữa ngoài. Ngoài ra, lúc này dê con đã có thể ăn một số loại thức ăn dễ tiêu như: chuối chín, bột đậu nành và một số loại cỏ non sạch nên bà con cho ăn kết hợp.

**Dê đang phát triển 46 ngày tuổi đến trưởng thành:** Trong quá trình đang tuổi lớn, dê rất cần bổ sung khẩu phần ăn nên bà con có thể cho dê ăn kèm thức ăn tinh từ 50 đến 100g và tăng dần lên theo sự phát triển của dê. Trong giai đoạn này, dê con cũng sẽ đến lúc cai sữa mẹ và thức ăn chủ yếu cho dê là thức ăn tinh và các loại rau củ quả, ngũ cốc...

Sau 3 tháng, dê phát triển mạnh cần cho chăn thả cùng bố mẹ, cho ăn đa dạng các loại thức ăn thô, kết hợp lẫn thức ăn tinh. Nếu chăn nuôi dê thịt thì thông thường sau khoảng 6 tháng nuôi là bà con có thể xuất bán tùy theo cân nặng và nhu cầu.

## **V. Phòng bệnh cho dê**

Dê dễ mắc các bệnh tụ huyết trùng, dịch tả, lở mồm long móng... đây đều là những bệnh có tỷ lệ chết cao. Nên dù là nuôi dê chăn thả hay nuôi dê nhốt chuồng thì bà con phải lưu ý các biện pháp phòng bệnh quan trọng sau:

Dê mới mua về cần được cách ly từ 30 - 40 ngày trước khi nhốt chuồng.

Giữ chuồng trại sạch sẽ, thoáng mát.

Định kỳ khử trùng cho chuồng nuôi bằng nước vôi 10% hoặc axit phenic 2%. Vệ sinh chuồng trại sạch sẽ, tiêu nước, phát bụi rậm xung quanh để hạn chế mầm bệnh.

Với dê nuôi nhốt chuồng cần được kiểm tra sức khỏe thường xuyên, kịp thời phát hiện con dê ốm yếu, bệnh để cách ly.

Bên cạnh đó, tiêm vaccine phòng bệnh là một biện pháp an toàn giúp vật nuôi ít mắc bệnh.

Tiêm phòng bệnh đậu: Liều lượng sử dụng: 1ml/con, tiêm dưới da hoặc tiêm bắp, tiêm 2 lần/năm.

Phòng bệnh tụ huyết trùng: Liều tiêm: 2 ml/con cho dê từ 1 tháng tuổi trở lên, tiêm dưới da hoặc tiêm bắp thịt. Tiêm định kỳ 2 lần/năm.

Phòng bệnh lở mồm long móng: Tiêm với liều 1 ml/con, tiêm sâu vào bắp thịt. Chủng mũi đầu tiên lúc 4 tháng tuổi; Chủng tăng cường: 9 tháng sau mũi đầu tiên; Tái chủng: Cứ 12 tháng chủng lại. Sau 2 tuần có miễn dịch, tiêm nhắc lại tùy thuộc vào tình hình dịch bệnh của địa phương.

Phòng bệnh viêm ruột hoại tử: Tiêm giải độc tố phòng bệnh viêm ruột hoại tử cho dê. Liều tiêm: 2 ml/con, tiêm dưới da cổ, mỗi năm tiêm 2 lần vào tháng 3 và tháng 9. Sau 2 tuần có miễn dịch.

# HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT CHĂN NUÔI NGỰA BẠCH

## I. Đặc điểm sinh học

- Ngựa bạch hay còn gọi là Ngựa bạch tạng; Ngựa trắng trội (Dominant White – ký hiệu D) là những cá thể Ngựa có bộ lông màu trắng tuyền xuất hiện do tương tác của các gen lặn (alen lặn) thông qua hiện tượng đột biến. Những đột biến này có thể là ngẫu nhiên và xuất hiện ở các cá thể Ngựa mang tính chất vãng lai nhưng cũng có thể được chọn lọc, giữ lại nhân giống để trở thành một giống Ngựa như giống Ngựa bạch Việt Nam, Ngựa bạch Mỹ, Ngựa bạch Pháp, Ngựa Camarillo.

- Ngựa bạch Việt Nam là dòng Ngựa quý hiếm, có số lượng rất ít, được phân bố rải rác ở một số tỉnh miền núi Đông Bắc Việt Nam, trong đó được nuôi nhiều nhất ở Thái Nguyên, Bắc Giang, Lạng Sơn và Cao Bằng. Tại Lạng Sơn Ngựa bạch được nuôi nhiều nhất ở xã Hữu Kiên huyện Chi Lăng, toàn xã Hữu Kiên có khoảng 1.800 con ngựa, trong đó có 782 con Ngựa bạch thuần chủng, chiếm gần 1/3 số Ngựa nơi đây.

- Ngựa bạch có đặc điểm toàn thân Ngựa có lông màu trắng, da trắng hồng, viền mắt màu hồng, con ngươi màu đỏ hồng, nếu soi đèn vào mắt Ngựa ban đêm có màu đỏ rực. Mũi, miệng và bộ phận sinh dục của Ngựa có màu hồng đỏ, bộ móng màu trắng ngà.

- Ngựa bạch có tác phong chậm chạp, nhưng khỏe và hiền lành nên trong đàn ngựa nuôi hay chăn thả giao với đàn ngựa khác. Ngựa bạch ít xảy ra ẩu đả kể cả mùa động dục. Điểm cốt yếu để phân biệt giữa ngựa bạch và ngựa thường đó là đôi mắt và móng ngựa. Đôi mắt Ngựa bạch thuần chủng trông như hòn bi, móng

- Ngựa bạch được phủ một màu trắng và toàn thân không có một chấm đen, vào giờ chính Tuất (20 giờ) lấy đèn chuyên dụng soi vào đồng tử hay còn gọi là con ngươi, Ngựa bạch phải chuyển từ hình tròn sang hình dạng chữ nhật nằm ngang mới chính là ngựa bạch. Ngựa bạch khác ngựa trắng thường ở chỗ tất cả chín lỗ đều màu trắng hồng đồng thau trong khi ngựa trắng thường thì vành mắt đen, các bộ phận móng, lỗ mũi màu đen.

## II. Kỹ thuật làm chuồng nuôi ngựa

- Cần thiết kê 2 mái để tránh nước mưa hắt vào và tạo sự thông thoáng cho ngựa. Thiết kế cửa sổ cách nền chuồng 1,5 - 1,8 m. Nền chuồng nuôi nên lát bằng gạch để có thể bảo vệ móng ngựa.

- Chuồng nuôi cần có độ dốc và rãnh thoát nước để thuận tiện cho việc vệ sinh. Bên cạnh tàu cỏ, cần có máng uống cho ngựa. Máng uống nước nên để cao khoảng 1 m. Đảm bảo mật độ ngựa trong chuồng ở mức vừa phải. Với ngựa sau khi cai sữa 6 - 12 tháng, mật độ nuôi trung bình 1,5 - 2 m<sup>2</sup>/con. Với những con ngựa trên 1 năm tuổi, mật độ nuôi trung bình 5 - 6 m<sup>2</sup>/con. Ngựa mang thai hay ngựa mẹ đang nuôi con cần nhốt trong chuồng riêng.

### **III. Yêu cầu về giống**

- Chọn ngựa bạch F1 có bố và mẹ khỏe mạnh, khả năng sinh sản tốt. Ngựa giống cần có ngoại hình cân đối, màu lông đồng nhất, không bị dị tật, móng tròn, bộ phận sinh dục bình thường. Khi ngựa đạt khoảng 6 tháng tuổi là thời gian chọn ngựa giống tốt nhất.

### **IV. Thức ăn**

- Ngựa bạch là giống quý, nên kết hợp nguồn thức ăn tự nhiên trên đồng cỏ với thức ăn bổ sung tại chuồng để đảm bảo chúng phát triển tốt nhất.

- Loại thức ăn: Thông thường, hằng ngày ngựa được thả ngoài bãi và có thể tự kiếm 40% lượng thức ăn cần thiết. Vì vậy, khi ngựa ở tại chuồng, cần bổ sung một lượng thức ăn tương đương với 60% nhu cầu của chúng, bao gồm cả thức ăn thô và thức ăn tinh.

- Thức ăn thô: cỏ voi, cỏ TD 58, các loại phụ phẩm nông nghiệp như thân cây ngô, lá lạc, dây lang. Vào mùa đông, thức ăn thô tươi khan hiếm, có thể chuẩn bị rơm khô để làm thức ăn thô khô cho ngựa.

**Chú ý:** Bà con cho ngựa ăn phối hợp các loại cỏ chứ không nên chỉ sử dụng một loại cỏ, dùng nhiều cỏ chứa nhiều nước ngựa sẽ đau bụng.

Lưu ý khi cho ăn thức ăn thô khô thì tỉ lệ thay thế 1 thô khô bằng 3 thô tươi. Ngoài thức ăn thô, bà con cần bổ sung thêm thức ăn tinh cho ngựa. Đây là nguồn thức ăn quan trọng giúp cung cấp dinh dưỡng để ngựa phát

triển tốt hơn. Bà con có thể dùng thức ăn tinh khô như cám hỗn hợp, cám gạo hay các loại củ tươi như ngô, khoai, sắn.

Đối với sắn, chỉ dùng làm thức ăn cho ngựa vào mùa đông, khi cây đã trút lá vì lúc này lượng nhựa đã giảm, tránh gây ngộ độc cho ngựa. Trước khi cho ngựa ăn, cần gọt vỏ, cắt nhỏ, ngâm trong nước 30 phút.

Đối với cám, cần trộn nước để ngựa không bị sặc.

### **Hướng dẫn cách cho Ngựa ăn:**

– Khi ngựa con được 3 tháng tuổi, bắt đầu cho ngựa con tập ăn cám tổng hợp, cỏ non. Bà con cho thức ăn vào máng ăn nhỏ trong chuồng ngựa con và cho ăn tự do.

– Với ngựa sau cai sữa từ 6 tháng đến 1 năm cho ăn thức ăn thô bằng 15-20% trọng lượng cơ thể và bổ sung 1 kg thức ăn tinh/ ngày.

– Với ngựa trên 1 năm, cho ăn thức ăn thô bằng 12-15% trọng lượng cơ thể và bổ sung 1,5 kg thức ăn tinh/ ngày. Với ngựa chữa và nuôi con cần tăng lượng thức ăn tinh lên khoảng 2 kg/ con/ ngày. Bà con chia thức ăn ra cho ngựa ăn làm 2 bữa sáng và tối. Ngoài ra thì bà con cần cho ngựa uống nước tự do và bổ sung khoáng chất. Bà con có thể dùng bánh khoáng chuyên dành cho chăn nuôi ngựa, phù hợp với từng giai đoạn của ngựa. Dùng dây luôn bánh khoáng và treo trong chuồng, để cho ngựa liếm tự do.

### **V. Kỹ thuật chăn nuôi Ngựa**

– Tắm chải: giúp ngựa tăng cường sự tuần hoàn và trao đổi chất, sinh trưởng tốt. Ngoài ra, tắm chải còn giúp ngựa phòng tránh được các ký sinh trùng ngoài da như rận, ghẻ. Vào mùa nóng, bà con tắm chải hàng ngày, còn vào mùa lạnh chỉ nên chải lông cho ngựa. Khi chải lông cần trải theo chiều của lông từ trên xuống dưới. Đặc biệt khi chải đến phần đầu cần nhẹ tay để tránh cho ngựa bị trầy xước.

– Cắt bờm, đuôi ngựa: Trong quá trình chăm sóc, bà con cũng cần chú ý xem bờm và đuôi ngựa đã quá dài hay chưa để cắt sửa kịp thời, tránh tình trạng bờm bị vón, chạm và mắt làm đau mắt hay đuôi ngựa quá dài dễ bị bẩn.

+ Cách cắt bờm: phía trước cắt trên mắt, phía sau cắt ngắn còn 2-3 cm.

+ Cách cắt đuôi ngựa: bà con cần hết sức cẩn thận, chú ý vị trí đứng, tránh để bị ngựa đá. Khi cắt đuôi ngựa phải đứng ngang bên hông, không được đứng phía sau, ước khoảng ngang kheo để cắt đuôi cho ngựa.

– Cho ngựa vận động: Hằng ngày, ngoài thời gian thả ngựa vận động theo đàn khoảng 4h/ngày thì bà con cần cho tập cho ngựa vận động thêm 1 lần/ngày, trong 1h. Buộc dây cho ngựa cố định tại một chỗ, huấn luyện ngựa chạy vòng tròn có đường kính khoảng 5 m, lấy điểm buộc dây làm tâm. Cho ngựa chạy tốc độ bình thường, không nên chạy quá nhanh làm ngựa mất sức.

Chế độ tập luyện vừa đủ này sẽ giúp ngựa nâng cao sức khỏe, sinh trưởng phát triển tốt hơn. Nhưng bà con chú ý với những ngựa sau cai sữa, ngựa chữa và ngựa mẹ đang nuôi con thì không áp dụng bài tập này.

## **VI. Phương pháp phòng bệnh**

Để phòng bệnh cho ngựa, cần làm tốt khâu vệ sinh chuồng trại: tiến hành quét vôi 2 lần/năm hoặc phun thuốc sát trùng Crizin 2%, một năm 3 lần.

Các bệnh thường gặp ở ngựa là bệnh ký sinh trùng đường máu, bệnh ký sinh trùng đường tiêu hóa.

– Phòng bệnh ký sinh trùng đường máu: Dùng Azidin, pha dung dịch 7 %, tiêm 1 năm 2 lần.

– Phòng bệnh ký sinh đường tiêu hóa: + Đối với ngựa con: khi ngựa 21 ngày, tiêm phòng lần 1; khi ngựa 90 ngày, tiêm lặp lại. Dùng Levamixon 7%, 1ml/ 15kg thể trọng, tiêm bắp.

+ Đối với ngựa trưởng thành, cũng dùng levamixon 7% hoặc Hemectin để tiêm phòng bệnh, định kỳ 1 năm 2 lần.

Phòng bệnh định kỳ là một khâu rất quan trọng trong quy trình chăn nuôi. Phòng bệnh tốt không những giúp ngựa phát triển tốt mà còn giúp người chăn nuôi giảm thiểu rủi ro, tăng hiệu quả kinh tế.